

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÂM PHÚC VN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÂM PHÚC VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM PHUC VN PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAMPHUCVNPCHAR

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110487869

**3. Ngày thành lập:** 26/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 113 ngõ 1, Tổ dân phố số 2, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936.951.558

Fax:

Email: [DPtamphuc.vn@gmail.com](mailto:DPtamphuc.vn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Loại trừ Đấu giá                                                                                                                       | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                       | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                               | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng (Theo khoản 23, điều 2 Luật an toàn thực phẩm 2010)                                                           | 4632(Chính) |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                             | 4633        |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                         | 4641        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (Điều 39, Nghị định 36/2016/NĐ-CP)<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh | 4649        |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                          | 4651        |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                           | 4652        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế (Điều 39, Nghị định 36/2016/NĐ-CP)                                              | 4659        |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                      | 4663        |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                 | 4669        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230 |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>(Điều 28 luật Thương mại 2005) loại trừ hoạt động đấu giá.                                                                                                                                              | 8299 |
| 15. | Quảng cáo<br>(Loại trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310 |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                           | 4711 |
| 18. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4719 |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4721 |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4722 |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4723 |
| 22. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4724 |
| 23. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ Đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                             | 4774 |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Loại trừ:<br>- Đấu giá;<br>- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;<br>- Bán lẻ tem và tiền kim khí.<br>- Kinh doanh vàng miếng                                                                                                                                                        | 4789 |
| 25. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                                                                    | 4791 |
| 26. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Loại trừ Đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4799 |
| 27. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                         | 4741 |
| 28. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dược (Điều 32 Luật dược 2016);<br>- Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh (Điều 39, Nghị định 36/2016/NĐ-CP);<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4772 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ vàng bạc; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào). | 4773 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LẠI VĂN NHÃ | Cái Tát, Xã An<br>Đông, Huyện An<br>Đương, Thành<br>phố Hải Phòng,<br>Việt Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 38.000        | 380.000.000              | 19,000       | 0340860034<br>96                                                                                                       |            |
|     |             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                    | Tổng số                            | 38.000        | 380.000.000              | 19,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                               |                           |         |               |        |              |
|---|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 2 | ĐỖ THỊ THOA    | Cái Tát, Xã An Đông, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông         | 160.000 | 1.600.000.000 | 80,000 | 031186000834 |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Tổng số                   | 160.000 | 1.600.000.000 | 80,000 |              |
| 3 | NGUYỄN THẾ VẤN | Số nhà 113 ngõ 1, Tổ dân phố số 2, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.000   | 20.000.000    | 1,000  | 034081003005 |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Tổng số                   | 2.000   | 20.000.000    | 1,000  |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THẾ VĂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/12/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034081003005

Ngày cấp: 19/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 7B, Xã Vũ Trung, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 113 ngõ 1, Tổ dân phố số 2, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội